

**Công ty Cổ phần Sản xuất và  
Thương mại Nam Hoa**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Công ty Cổ phần Sản xuất và  
Thương mại Nam Hoa**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số</b>	4103002302	ngày 11 tháng 5 năm 2004
	4103002302 (điều chỉnh lần 1)	ngày 18 tháng 6 năm 2004
	4103002302 (điều chỉnh lần 2)	ngày 16 tháng 11 năm 2007
	0303292182 (điều chỉnh lần 3)	ngày 5 tháng 4 năm 2010

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh của Công ty do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Ngô Văn Hòa	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên
	Ông Takano Satoshi	Thành viên
	Ông Nguyễn Ánh Ngọc	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Toàn	Thành viên
		(từ ngày 24 tháng 10 năm 2015)
	Ông Phạm Vĩ Giáp Dương	Thành viên
		(đến ngày 24 tháng 10 năm 2015)

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Ngô Văn Hòa	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ánh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Vĩ Giáp Dương	Giám đốc Sản xuất
	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Giám đốc Hành chính

<b>Trụ sở đăng ký</b>	121 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17 Quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
-----------------------	--

<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016



**KPMG Limited Branch**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet [www.kpmg.com.vn](http://www.kpmg.com.vn)

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông**

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán: 15-01-556



Nguyễn Thanh Nghị  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Đặng Trung Hoàn  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2235-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND'000</b>	<b>1/1/2015 VND'000</b> <b>Đã phân loại lại</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>40.527.126</b>	<b>53.768.187</b>
<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>3.798.090</b>	<b>4.505.130</b>
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>11.123.601</b>	<b>8.744.624</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.600.708	4.719.347
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		604.663	1.072.787
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	8.928.231	2.998.475
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(10.001)	(45.985)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>23.677.776</b>	<b>38.043.876</b>
Hàng tồn kho	141		30.972.885	42.776.217
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.295.109)	(4.732.341)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.927.659</b>	<b>2.474.557</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	265.160
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.927.659	2.209.397
<b>Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>42.459.792</b>	<b>57.460.810</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>41.241.592</b>	<b>56.457.948</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	37.776.167	47.903.601
Nguyên giá	222		57.001.510	71.205.796
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.225.343)	(23.302.195)
Tài sản cố định vô hình	227	11	3.465.425	8.554.347
Nguyên giá	228		3.577.425	9.998.706
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(112.000)	(1.444.359)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.218.200</b>	<b>1.002.862</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.218.200	1.002.862
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>82.986.918</b>	<b>111.228.997</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000 Đã phân loại lại
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>25.937.582</b>	<b>84.733.112</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>25.021.082</b>	<b>74.866.962</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	4.120.945	11.558.149
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.049.170	3.763.125
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	4.463.910	133.483
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	2.453.468	2.165.591
Phải trả ngắn hạn khác	319		50.968	64.556
Vay ngắn hạn	320	15(a)	12.882.621	57.182.058
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>916.500</b>	<b>9.866.150</b>
Phải trả dài hạn khác	337		100.000	100.000
Vay dài hạn	338	15(b)	816.500	9.766.150
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>57.049.336</b>	<b>26.495.885</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>57.049.336</b>	<b>26.495.885</b>
Vốn cổ phần	411	17	45.975.200	45.975.200
Thặng dư vốn cổ phần	412		8.979.710	8.979.710
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (lỗ lũy kế)	421		2.094.426	(28.459.025)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(28.459.025)	(38.337.099)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		30.553.451	9.878.074
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>82.986.918</b>	<b>111.228.997</b>

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Trịnh Hữu Ngân  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND'000	2014 VND'000 Đã phân loại lại
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>19</b>	<b>122.859.838</b>	<b>106.487.993</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>20</b>	<b>68.512.284</b>	<b>72.828.913</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 1 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>54.347.554</b>	<b>33.659.080</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.282.756	371.374
Chi phí tài chính	22	22	5.904.696	5.778.049
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.492.872	4.693.870
Chi phí bán hàng	25	23	12.915.769	11.653.397
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	7.721.889	6.169.406
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>29.087.956</b>	<b>10.429.602</b>
Thu nhập khác	31	25	16.597.951	2.890.111
Chi phí khác	32	26	10.040.845	3.441.639
<b>Kết quả kinh doanh khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>6.557.106</b>	<b>(551.528)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>35.645.062</b>	<b>9.878.074</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>28</b>	<b>5.091.611</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>28</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>30.553.451</b>	<b>9.878.074</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>70</b>	<b>29</b>	<b>6.646</b>	<b>2.149</b>

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Trịnh Hữu Ngân  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>35.645.062</b>	<b>9.878.074</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		4.382.913	4.612.903
Các khoản dự phòng	03		3.539.037	(103.155)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		402.658	320.570
Tài sản cố định xóa sổ do cháy nổ	05		-	1.066.713
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(11.571.735)	(62.740)
Chi phí lãi vay	06		2.492.872	4.693.870
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>34.890.807</b>	<b>20.406.235</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(2.003.185)	3.297.676
Biến động hàng tồn kho	10		10.837.064	1.339.833
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(9.673.668)	(14.276.774)
Biến động chi phí trả trước	12		49.822	(145.590)
			<b>34.100.840</b>	<b>10.621.380</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.671.169)	(4.788.117)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(786.089)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	100.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>30.643.582</b>	<b>5.933.263</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(3.478.665)	(3.141.896)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		25.802.354	144.818
Tiền thu lãi tiền gửi	27		81.489	1.973
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>22.405.178</b>	<b>(2.995.105)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND'000	2014 VND'000
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền vay nhận được	33		75.486.156	98.471.916
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(129.248.865)	(97.601.864)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(53.762.709)</b>	<b>870.052</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(713.949)</b>	<b>3.808.210</b>
Tiền đầu năm	60		4.505.130	707.673
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với quy đổi ngoại tệ	61		6.909	(10.753)
<b>Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>6</b>	<b>3.798.090</b>	<b>4.505.130</b>

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Người lập:

*Trịnh Hữu Ngân*  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



*Nguyễn Văn Hòa*  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đồ dùng gia đình, trang trí nội thất, các sản phẩm đồ chơi trẻ em bằng gỗ.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 417 nhân viên (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 434 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (VND). Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo Đồng Việt Nam được làm tròn đến hàng nghìn (“VND’000”).

**3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty, nếu có, được trình bày trong thuyết minh 4(a).

**4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (các khoản phải trả và nợ vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc áp dụng chính sách kế toán này không ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo tài chính.

**(b) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	7 - 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 - 7 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm

**(f) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất với thời gian hữu dụng vô định được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất với thời gian hữu dụng xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(h) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

**(i) Vốn góp**

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.



**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(j) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

*Tài sản sẵn sàng để bán*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Tất cả tài sản tài chính trên bảng cân đối kế toán được phân loại là các khoản cho vay và phải thu.

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - tài sản được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Tất cả nợ phải trả tài chính trên bảng cân đối kế toán được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(k) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(l) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(m) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(n) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(o) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

**(p) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực hoạt động kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh đồ dùng gia đình, trang trí nội thất, các sản phẩm đồ chơi trẻ em bằng gỗ.

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc.

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Báo cáo bộ phận**

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

	Nhật Bản		Châu Âu		Mỹ		Khác		Tổng cộng	
	2015 VND'000	2014 VND'000	2015 VND'000	2014 VND'000	2015 VND'000	2014 VND'000	2015 VND'000	2014 VND'000	2015 VND'000	2014 VND'000
Doanh thu	35.354.123	36.704.827	67.568.556	36.592.075	11.658.867	12.920.950	8.278.292	20.270.141	122.859.838	106.487.993
Giá vốn	23.790.079	27.666.948	32.291.540	20.350.485	6.849.043	8.323.120	5.581.622	16.488.360	68.512.284	72.828.913
Kết quả bộ phận	11.564.044	9.037.879	35.277.016	16.241.590	4.809.824	4.597.830	2.696.670	3.781.781	54.347.554	33.659.080
Chi tiêu vốn									3.478.665	3.141.896
Tài sản của bộ phận									82.986.918	111.228.997

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Tiền**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Tiền mặt	652.622	2.017.987
Tiền gửi ngân hàng	3.145.468	2.487.143
	3.798.090	4.505.130

**7. Phải thu của khách hàng**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Stanley Works (Eurpe) Ag	304.915	-
Rosendahl Design Group	309.637	2.580.256
Sanyei Corporation Tokyo	892.196	480.672
Sung San Trading company	-	940.720
JM World Co., Ltd	-	661.070
Các khách hàng khác	93.960	56.629
	1.600.708	4.719.347

**8. Phải thu khác**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Phải thu từ một thành viên của Ban Giám đốc	7.221.462	-
Phải thu từ các cổ đông khác	1.612.000	1.612.000
Phải thu khác	94.769	1.386.475
	8.928.231	2.998.475

Khoản phải thu từ một thành viên của Ban Giám đốc không được đảm bảo, không chịu lãi và phải thu trước ngày 31 tháng 7 năm 2016.

Khoản phải thu từ các cổ đông khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Hàng tồn kho**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND'000	Dự phòng VND'000	Giá gốc VND'000	Dự phòng VND'000
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	2.134.174	-
Nguyên vật liệu	4.119.931	387.068	3.508.054	63.390
Công cụ và dụng cụ	375.297	-	1.265.159	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.822.793	4.389.459	27.625.601	2.279.003
Thành phẩm	8.652.554	2.518.582	7.720.598	2.389.948
Hàng hóa	2.310	-	2.310	-
Hàng gửi đi bán	-	-	520.321	-
	<b>30.972.885</b>	<b>7.295.109</b>	<b>42.776.217</b>	<b>4.732.341</b>

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2015 VND'000	2014 VND'000
Số dư đầu năm	4.732.341	11.986.497
Tăng dự phòng trong năm	3.529.036	525.338
Sử dụng dự phòng trong năm	(966.268)	(7.779.494)
Số dư cuối năm	<b>7.295.109</b>	<b>4.732.341</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 2.860 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 1.235 triệu VND) thành phẩm được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 7.840 triệu VND (1/1/2015: 9.540 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời, chậm luân chuyển khó tiêu thụ được.

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND'000	Máy móc và thiết bị VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Phương tiện vận chuyển VND'000	Tổng VND'000
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	50.732.757	18.158.754	520.582	1.793.703	71.205.796
Tăng trong năm	-	704.910	54.600	2.719.155	3.478.665
Thanh lý	(14.387.905)	(820.741)	-	(1.249.423)	(16.458.069)
Xóa sổ	-	(857.944)	(366.938)	-	(1.224.882)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>36.344.852</b>	<b>17.184.979</b>	<b>208.244</b>	<b>3.263.435</b>	<b>57.001.510</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	10.309.926	11.470.847	482.782	1.038.640	23.302.195
Khấu hao trong năm	2.226.714	1.793.147	14.440	284.400	4.318.701
Thanh lý	(5.770.672)	(577.462)	-	(822.537)	(7.170.671)
Xóa sổ	-	(857.944)	(366.938)	-	(1.224.882)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.765.968</b>	<b>11.828.588</b>	<b>130.284</b>	<b>500.503</b>	<b>19.225.343</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	40.422.831	6.687.907	37.800	755.063	47.903.601
Số dư cuối năm	29.578.884	5.356.391	77.960	2.762.932	37.776.167

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản cố nguyên giá 8.038 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 6.993 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 29.563 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 43.801 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 15).



**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND'000</b>	<b>Phần mềm vi tính VND'000</b>	<b>Tổng VND'000</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	9.886.706	112.000	9.998.706
Thanh lý	(6.421.281)	-	(6.421.281)
Số dư cuối năm	3.465.425	112.000	3.577.425
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.332.359	112.000	1.444.359
Khấu hao trong năm	64.212	-	64.212
Thanh lý	(1.396.571)	-	(1.396.571)
Số dư cuối năm	-	112.000	112.000
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	8.554.347	-	8.554.347
Số dư cuối năm	3.465.425	-	3.465.425

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 112 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 112 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định vô hình có giá trị ghi sổ là 3.465 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 8.554 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 15).

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Phải trả người bán**

	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>Giá gốc</b>	<b>Số có khả</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Số có khả</b>
	<b>VND'000</b>	<b>năng trả nợ</b>	<b>VND'000</b>	<b>năng trả nợ</b>
		<b>VND'000</b>		<b>VND'000</b>
Công ty TNHH MTV Đài Kinh Bắc	1.223.821	1.223.821	1.583.834	1.583.834
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ An Thịnh Phước	974.147	974.147	-	-
Công ty TNHH Tong Jou Việt Nam	489.842	489.842	1.578.128	1.578.128
Công ty TNHH Hvalsoe Sawmill	-	-	1.217.752	1.217.752
Các nhà cung cấp khác	1.433.135	1.433.135	7.178.435	7.178.435
	<b>4.120.945</b>	<b>4.120.945</b>	<b>11.558.149</b>	<b>11.558.149</b>

**13. Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2015</b>	<b>Số phát sinh</b>	<b>Số đã nộp</b>	<b>Số cần trừ</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND'000</b>	<b>trong năm</b>	<b>trong năm</b>	<b>trong năm</b>	<b>VND'000</b>
		<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.091.611	(786.089)	-	4.305.522
Thuế giá trị gia tăng	-	1.850.958	(155.697)	(1.695.261)	-
Thuế thu nhập cá nhân	133.483	458.475	(433.570)	-	158.388
	<b>133.483</b>	<b>7.401.044</b>	<b>(1.375.356)</b>	<b>(1.695.261)</b>	<b>4.463.910</b>

**14. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Tiền thưởng cho nhân viên	1.899.583	1.764.066
Lãi vay phải trả	28.290	206.587
Chi phí phải trả khác	525.595	194.938
	<b>2.453.468</b>	<b>2.165.591</b>

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2015		Các biến động trong năm				31/12/2015	
	Giá trị ghi số VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Tăng VND'000	Giảm VND'000	Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại VND'000	Giá trị ghi số VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	
Vay ngắn hạn	50.019.862	50.019.862	74.086.156	(112.203.819)	513.622	12.415.821	12.415.821	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 15(b))	7.162.196	7.162.196	466.800	(7.162.196)	-	466.800	466.800	
	57.182.058	57.182.058	74.552.956	(119.366.015)	513.622	12.882.621	12.882.621	

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt	USD	3% - 6%	12.415.821	50.019.862

Khoản vay ngân hàng ngắn hạn được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 lần lượt là 26.844 triệu VND và 3.465 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 43.801 triệu VND và 8.554 triệu VND).

**(b) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000
Các khoản vay từ					
Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt					
• Khoản vay 1	USD	7,5%-12,8%	2012 – 2016	-	10.087.130
• Khoản vay 2	VND	12%-15,5%	2016	-	6.841.216
Ngân hàng VID Public Bank (*)	VND	7,8%	2017	1.283.300	-
				1.283.300	16.928.346
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 15(a))				(466.800)	(7.162.196)
Hoàn trả sau 12 tháng				816.500	9.766.150

Khoản vay 1 và Khoản vay 2 đã được trả hết trong năm.

(\*) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.719 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: Không).

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**16. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND'000	Thặng dư vốn cổ phần VND'000	Lợi nhuận chưa phân phối/ (lỗ lũy kế) VND'000	Tổng VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	45.975.200	8.979.710	(38.337.099)	16.617.811
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	9.878.074	9.878.074
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	45.975.200	8.979.710	(28.459.025)	26.495.885
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	30.553.451	30.553.451
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	45.975.200	8.979.710	2.094.426	57.049.336

**17. Vốn cổ phần**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND'000	Số cổ phiếu	VND'000
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	4.597.520	45.975.200	4.597.520	45.975.200

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty không có biến động vốn cổ phần trong năm.

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Trong vòng một năm	292.000	300.000
Trong vòng hai đến năm năm	180.000	-
	472.000	300.000

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2015</b>		<b>1/1/2015</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	24.900	559.496	9.705	207.482
EUR	1.876	45.916	-	-
		605.412		207.482

**19. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**20. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán thể hiện giá gốc thành phẩm đã bán trong năm.

**21. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Lãi tiền gửi	81.489	1.973
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	798.609	369.401
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	402.658	-
	1.282.756	371.374

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Chi phí tài chính**

	<b>2015</b> <b>VND'000</b>	<b>2014</b> <b>VND'000</b>
Chi phí lãi vay	2.492.872	4.693.870
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.411.824	763.609
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	320.570
	<hr/>	<hr/>
	5.904.696	5.778.049

**23. Chi phí bán hàng**

	<b>2015</b> <b>VND'000</b>	<b>2014</b> <b>VND'000</b>
Chi phí nhân viên	1.162.337	1.109.036
Chi phí hàng mẫu và bao bì	9.447.856	8.116.230
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.761.520	1.822.812
Chi phí khác	544.056	605.319
	<hr/>	<hr/>
	12.915.769	11.653.397

**24. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2015</b> <b>VND'000</b>	<b>2014</b> <b>VND'000</b>
Chi phí nhân viên	4.282.982	3.979.849
Chi phí khấu hao	267.566	138.697
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.017.994	1.001.670
Chi phí khác	2.153.347	1.049.190
	<hr/>	<hr/>
	7.721.889	6.169.406

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Thu nhập khác**

	<b>2015</b> <b>VND'000</b>	<b>2014</b> <b>VND'000</b> <b>Đã phân loại lại</b>
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	11.490.246	60.767
Phí thử nghiệm	737.534	538.409
Bồi thường nhận được từ công ty bảo hiểm (*)	3.724.792	2.000.000
Thu nhập khác	645.379	290.935
	<b>16.597.951</b>	<b>2.890.111</b>

**26. Chi phí khác**

	<b>2015</b> <b>VND'000</b>	<b>2014</b> <b>VND'000</b> <b>Đã phân loại lại</b>
Lỗi từ xóa sổ tài sản cố định hữu hình (*)	-	1.066.713
Lỗi từ xóa sổ hàng tồn kho (*)	9.069.722	1.237.383
Bồi thường đã trả cho các bên khác	-	650.000
Phí nộp phạt	425.687	218.944
Chi phí khác	545.436	268.599
	<b>10.040.845</b>	<b>3.441.639</b>

(\*) Vào ngày 19 tháng 1 năm 2014, một vụ hỏa hoạn đã xảy ra tại một khu vực của nhà máy của Công ty dẫn đến việc tổn thất hàng tồn kho và một vài khoản mục tài sản cố định của Công ty. Các khoản tổn thất này đã được bảo đảm bởi chính sách bảo hiểm mà Công ty mua. Công ty Bảo hiểm đã đồng ý tạm ứng khoản bồi thường bảo hiểm tương đương 2.000 triệu VND trong năm 2014 và số tiền còn lại là 3.724 triệu VND đã được Công ty thu đủ trong năm 2015. Phí bồi thường bảo hiểm đã được Công ty nhận và ghi nhận là thu nhập khác tại ngày lập báo cáo.

**27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2015</b> <b>VND'000</b>	<b>2014</b> <b>VND'000</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	27.669.224	32.159.239
Chi phí nhân công và nhân viên	34.773.669	36.345.813
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.382.913	4.612.903
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.258.022	6.180.355
Chi phí khác	16.066.114	11.278.974



**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**28. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2015 VND'000	2014 VND'000
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	4.510.122	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	581.489	-
	5.091.611	-

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2015 VND'000	2014 VND'000
Lợi nhuận kế toán trước thuế	35.645.062	9.878.074
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	7.841.914	2.173.176
Chi phí không được khấu trừ thuế	693.777	494.936
Lỗ tính thuế được sử dụng	(4.025.569)	(2.574.141)
Dự phòng thiếu trong năm trước	581.489	-
	5.091.611	93.971
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	-	(93.971)
	5.091.611	-

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế trong năm hoạt động kinh doanh.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016 trở đi.

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Chênh lệch tạm thời VND'000	Giá trị tính thuế VND'000	Chênh lệch tạm thời VND'000	Giá trị tính thuế VND'000
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	117.932	25.945	117.932	25.945
Lỗ tính thuế	-	-	18.298.039	4.025.569
	<u>117.932</u>	<u>25.945</u>	<u>18.415.971</u>	<u>4.051.514</u>

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực.

**29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 4.597.520 (2014: 4.597.520), được tính như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	30.553.451	9.878.074

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	2015	2014
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	4.597.520	4.597.520

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Các công cụ tài chính**

**(a) Quản lý rủi ro tài chính**

**(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

**(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND'000</b>	<b>1/1/2015 VND'000</b>
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	3.145.468	2.487.143
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	10.518.938	7.671.837
		<hr/>	<hr/>
		13.664.406	10.158.980

**(ii) Tiền gửi ngân hàng**

Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Các khoản phải thu đáo hạn trong vòng 20 đến 50 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 50 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>Gộp</b> <b>31/12/2015</b> <b>VND'000</b>	<b>Dự phòng phải</b> <b>thu khó đòi</b> <b>31/12/2015</b> <b>VND'000</b>	<b>Gộp</b> <b>1/1/2015</b> <b>VND'000</b>	<b>Dự phòng phải</b> <b>thu khó đòi</b> <b>1/1/2015</b> <b>VND'000</b>
Trong hạn	9.233.146	-	7.661.194	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	1.201.832	-	-	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	83.960	-	-	-
Quá hạn trên 180 ngày	10.001	10.001	56.628	45.985
	<b>10.528.939</b>	<b>10.001</b>	<b>7.717.822</b>	<b>45.985</b>

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<b>2015</b> <b>VND'000</b>	<b>2014</b> <b>VND'000</b>
Số dư đầu năm	45.985	674.478
Tăng dự phòng trong năm	10.001	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(45.985)	-
Hoàn nhập	-	(628.493)
Số dư cuối năm	<b>10.001</b>	<b>45.985</b>

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

**Ngày 31 tháng 12 năm 2015**

	<b>Giá trị ghi sổ VND'000</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND'000</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND'000</b>	<b>1 – 2 năm VND'000</b>	<b>Hơn 5 years VND'000</b>
Phải trả người bán	4.120.945	4.120.945	4.120.945	-	-
Chi phí phải trả	2.453.468	2.453.468	2.453.468	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	50.968	50.968	50.968	-	-
Vay ngắn hạn	12.415.821	12.609.810	12.609.810	-	-
Vay dài hạn	1.283.300	1.421.789	545.769	514.431	361.589
	<b>20.324.502</b>	<b>20.656.980</b>	<b>19.780.960</b>	<b>514.431</b>	<b>361.589</b>

**Ngày 1 tháng 1 năm 2015**

	<b>Giá trị ghi sổ VND'000</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND'000</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND'000</b>	<b>1 – 2 năm VND'000</b>
Phải trả người bán	11.558.149	11.558.149	11.558.149	-
Chi phí phải trả	2.165.591	2.165.591	2.165.591	-
Phải trả ngắn hạn khác	64.556	64.557	64.557	-
Vay ngắn hạn	50.019.862	50.667.027	50.667.027	-
Vay dài hạn	16.928.346	19.040.729	7.715.012	11.325.717
	<b>80.736.504</b>	<b>83.496.053</b>	<b>72.170.336</b>	<b>11.325.717</b>

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

*Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	1/12015 USD	1/12015 USD
Tiền	24.900	9.705
Phải thu khách hàng	70.792	220.269
Vay ngắn hạn	(552.551)	(2.339.564)
Vay dài hạn	-	(471.807)
	(456.859)	(2.581.397)

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày		
	31/12/2015 Mua VND	31/12/2015 Bán VND	1/1/2015 Mua VND
1 USD	22.470	22.530	21.380

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	<b>Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VND'000</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	
USD (mạnh thêm 5%)	(401.652)
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	
USD (mạnh thêm 1%)	(430.484)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, 1.283 triệu VND vay dài hạn của Công ty chịu lãi suất thả nổi (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 16.928 triệu VND). Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
<i>Công cụ tài chính chịu lãi suất cố định</i>		
Vay ngắn hạn	(12.415.821)	(50.019.862)
<i>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</i>		
Tiền gửi ngân hàng	3.145.468	2.487.143
Vay dài hạn	(1.283.300)	(16.928.346)
	1.862.168	(14.441.203)

Việc tăng 100 điểm lãi suất cơ bản sẽ làm lợi nhuận thuần của Công ty tăng hoặc giảm 15 triệu VND (2014: 113 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Giá trị hợp lý**

**(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá trị ghi sổ VND'000	Giá trị hợp lý VND'000	Giá trị ghi sổ VND'000	Giá trị hợp lý VND'000
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền	3.798.090	3.798.090	4.505.130	4.505.130
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	10.518.938	(*)	7.671.837	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	(6.625.381)	(*)	(13.788.296)	(*)
- Vay ngắn hạn	(12.415.821)	(*)	(50.019.862)	(*)
- Vay dài hạn	(1.283.300)	(*)	(16.928.346)	(*)
		(6.007.474)		(68.559.537)

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	2015 VND'000	2014 VND'000
<b>Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc</b>		
Lương và thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	2.615.311	2.090.010
Cho vay ngắn hạn một thành viên Ban Giám đốc	7.221.462	-



**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**32. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

**(a) Bảng cân đối kế toán**

	1/1/2015 (phân loại lại) VND'000	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND'000
Phải thu khác	2.998.475	2.884.704
Tài sản ngắn hạn khác	-	113.771

**(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2014 VND'000 (phân loại lại)	2014 VND'000 (theo báo cáo trước đây)
Doanh thu bán hàng	106.487.993	106.090.966
Giá vốn hàng bán	72.828.913	72.754.481
Thu nhập khác	2.890.111	3.371.189
Chi phí khác	3.441.639	3.600.122

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Người lập:

*Trịnh Hữu Ngân*  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

*Ngô Xuân Hòa*  
 Tổng Giám đốc

